

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 17/3/2021.

Về việc: “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Sơn;

2. Ông Trần Thành Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại H (ACB);

Trụ sở: Phường A, Quận Y, TP.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh N, sinh năm 1995; Theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020.

Địa chỉ liên lạc: Phường A, , Long Xuyên., An Giang.

*2. Bị đơn:*

2. 1. Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1975;

2. 2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn bà Lê Thị H; Đã tổng đạt hợp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại H (do chị Huỳnh N đại diện theo ủy quyền) và lời khai tại phiên tòa có nội dung như

sau: Ngày 09/10/2018, vợ chồng ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H có ký hợp đồng tín dụng số ANG.CN.2024.120918 với Ngân hàng thương mại H (chi nhánh An Giang - gọi tắt là ACB), để vay số tiền theo hạn mức tín dụng là 538.000.000đ, mục đích vay là bổ sung vốn để chăn nuôi, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, khi vay có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH06782 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, An Giang cấp ngày 08/11/2010 mang tên Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H, theo hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.03.102613 ngày 14/6/2013. Ngoài ra, vợ chồng ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H có mở 02 thẻ tín dụng số 4791392550059279 (mang tên Lê Thị H) và 4791392550059287 (mang tên Lê Ngọc Q) với hạn mức là 70.000.000đ và 20.000.000đ, hạn thẻ đến tháng 6/2016 và sau đó gia hạn thẻ đến tháng 4/2022. Tuy nhiên, từ khi vay và mở thẻ tín dụng thì vợ chồng không thực hiện đúng theo cam kết đã ký và đến ngày 15/9/2020, còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn là 360.984.142đ, lãi phát sinh và đồng thời không hợp tác với ngân hàng.

Nay Ngân hàng thương mại H yêu cầu ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H trả số nợ vốn còn lại 360.984.142đ, lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 17/3/2021 tổng cộng là 76.641.251đ; Tổng cộng vốn, lãi là 437.625.393đ. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận trong hợp đồng, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án.

\* *Về phía bị đơn ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo, giấy mời vợ chồng đến Tòa án để tạo điều kiện cho gặp phía nguyên đơn trong vụ án để hòa giải và đối chiếu khoản nợ nhưng tất cả các lần ông Q, bà H đều vắng mặt không lý do. Qua thu thập chứng cứ xác định được rằng ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H có hộ khẩu tại Ấp A, xã B, huyện C, An Giang và hiện tại không thường xuyên có mặt tại địa phương, các Thông báo và quyết định của Tòa án giao thông qua Thừa phát lại thì gia đình vẫn ký nhận thay nhưng ông Q, bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo quy định. Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc Q có mặt và xác định vợ chồng hiện đang vẫn sống chung và có biết Tòa án thụ lý vụ kiện và triệu tập nhưng do phải đi làm thuê nên không sắp xếp thời gian đến Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng có mục đích lợi nhuận nhưng có một bên không đăng ký kinh doanh nên tranh chấp dân sự thuộc khoản 3 Điều 26, căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai không lý

do nhưng đã tổng đạt hợp lệ, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

*Về nội dung:*

[2] *Về quan hệ hợp đồng tín dụng:* Xét hợp đồng tín dụng số ANG.CN.2024.120918 ngày 09/10/2018 được ký giữa Ngân hàng thương mại H (chi nhánh An Giang) với ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị Thúy Hàng có nội dung: “Ông Q, bà H vay của Ngân hàng ACB hạn mức tín dụng 538.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm (quá hạn 150%), mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi cá. Ngoài ra, còn mở 02 thẻ tín dụng với hạn mức là 90.000.000đ”. Xét hợp đồng đã được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện, phía đại diện Ngân hàng ACB xác định ông Q, bà H vẫn chưa thanh toán vốn 360.984.142đ và lãi suất phát sinh; Trong khi đó, từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện, tổng đạt Thông báo cho bị đơn nhưng đến nay ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H đều không có ý kiến phản bác và tại phiên tòa ông Lê Ngọc Q thừa nhận toàn bộ số nợ và đồng ý trả vốn, lãi trong hạn nhưng yêu cầu Ngân hàng giảm phần lãi quá hạn để có khả năng thanh toán cho ngân hàng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu trả nợ của Ngân hàng ACB là có căn cứ nên được chấp nhận và buộc ông Q, bà H có trách nhiệm trả số tiền vốn đã vay còn lại là 360.984.142đ và toàn bộ lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn theo bản chiết tính ngày 17/3/2021 do phía Ngân hàng ACB đã tính toán, cung cấp tổng cộng là 76.641.251đ.

[3] Xét hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.03.102613 ngày 14/6/2013, hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.01 ngày 09/10/2018, hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.02 ngày 25/9/2019 và hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.03 ngày 04/11/2019 có nội dung: “Ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H đồng ý thế chấp những tài sản gồm: Diện tích đất 413,50m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CH06782 cấp ngày 08/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp mang tên Lê Ngọc Q, Lê Thị H để đảm bảo số tiền đã vay vốn, lãi và các khoản phí theo hợp đồng tín dụng đã ký kết”. Về nội dung, hình thức của hợp đồng đã được công chứng, đăng ký thế chấp, đã tuân thủ đúng theo các quy định tại Điều 317, Điều 319 của Bộ luật dân sự và đến thời điểm này không bên nào có tranh chấp về các điều khoản trong hợp đồng và đồng thời không có bên thứ ba tranh chấp, khiếu nại. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản số ANG.BĐCN.03.102613 ngày 14/6/2013 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.01 ngày 09/10/2018, hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.02 ngày 25/9/2019, số ANG.BĐCN.03.102613.03 ngày 04/11/2019 có giá trị pháp lý và sẽ được duy trì, phát mãi để ưu tiên đảm bảo cho khoản nợ đã được thỏa thuận thế chấp trong hợp đồng. Ngoài ra, phía đại diện Ngân hàng ACB yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng trên số

nợ gốc 360.984.142đ đến khi thanh toán xong, đây là yêu cầu phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Ngọc Q có yêu cầu đại diện Ngân hàng ACB xem xét giảm bớt phần lãi phạt quá hạn, chỉ chấp nhận trả phần vốn theo yêu cầu của ngân hàng là 360.984.142đ, cùng với lãi phát sinh trong hạn và đồng thời yêu cầu cho thời gian 03 tháng để thanh toán số nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, theo yêu cầu giảm lãi và trả với thời hạn nêu trên của bị đơn thì đại diện ngân hàng ACB không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc Q.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bị buộc trả nợ cho Ngân hàng ACB nên ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### *\* Tuyên xử:*

+ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại H (do chị Huỳnh N đại diện). Buộc ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại H số tiền vốn, lãi tổng cộng là 437.625.393đ (Bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi ba đồng).

+ Ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc 360.984.142đ theo hợp đồng tín dụng số ANG.CN.2024.120918 ngày 09/10/2018, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

+ Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.03.102613 ngày 14/6/2013, cùng với các hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.01 ngày 09/10/2018, hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.02 ngày 25/9/2019, hợp đồng sửa đổi và bổ sung số ANG.BĐCN.03.102613.03 ngày 04/11/2019, đối với tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

#### *\* Về án phí, lệ phí sơ thẩm:*

+ Ông Lê Ngọc Q, bà Lê Thị H phải chịu 21.505.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng thương mại H không phải chịu án phí nên được hoàn lại 10.050.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0007312 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do chính đáng) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Triều**